

Thị trường TPDN chứng lại

- Giá trị TPDN phát hành thành công trong T10 đạt hơn 36.2 nghìn tỷ đồng, giảm 49% so với tháng trước và tăng 24% svck, lũy kế 10T24 đạt hơn 336.6 nghìn tỷ đồng, tăng 72% svck.
- Tình hình chậm trả các nghĩa vụ thanh toán tích cực hơn khi liên tiếp trong T9 & T10 không ghi nhận trường hợp nào phát sinh mới
- Tính từ đầu năm đến cuối tháng 10, KBNN đã phát hành được tổng cộng 302,246 tỷ đồng TPCP, hoàn thành 76% kế hoạch năm 2024 và quý 4 hoàn thành 24%.

Trái phiếu Doanh nghiệp

Nhu cầu phát hành của ngành Xây dựng quay trở lại

Tổng giá trị TPDN phát hành thành công trong T10 ước đạt hơn 36.2 nghìn tỷ đồng, giảm 49% so với tháng trước và tăng 24% svck, trong đó, ngành Ngân hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất 48%. Các đợt phát hành đáng chú ý trong tháng gồm: LPB (2 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất 5.4%), VIB (2 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất 5.05%), EIB (1.7 nghìn tỷ đồng, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất 5.3%).

Sau 2 tháng vắng bóng, ngành Xây dựng – Vật liệu xây dựng đã quay trở lại với thị trường TPDN khi ghi nhận 3 đợt phát hành với tổng trị giá đạt 620 tỷ đồng, lãi suất bình quân xấp xỉ 10.5%/năm. Theo đó, giúp nâng tổng trị giá phát hành lũy kế của ngành Xây dựng – Vật liệu xây dựng trong 10T2024 lên khoảng 8.3 nghìn tỷ đồng (tăng 967% svck).

Lũy kế từ đầu năm, tổng giá trị TPDN phát hành đã vượt tổng mức phát hành trong năm 2023 khi đạt hơn 336.6 nghìn tỷ đồng, tăng 72% svck. Lãi suất TPDN bình quân gia quyền trong 10 tháng đầu năm ước khoảng 7%, thấp hơn so với mức trung bình 8.3% của năm 2023.

Ngân hàng là nhóm ngành có giá trị phát hành cao nhất với khoảng 263 nghìn tỷ, tăng 154% svck, chiếm tỷ trọng 72%, lãi suất bình quân gia quyền là 5.6%/năm, kỳ hạn bình quân 5.2 năm. Các NH phát hành giá trị lớn nhất từ đầu năm đến nay gồm có: ACB (31.8 nghìn tỷ đồng), Techcombank (26.9 nghìn tỷ đồng), OCB (26.7 nghìn tỷ đồng). Chúng tôi cho rằng ngân hàng sẽ tiếp tục đẩy mạnh phát hành trái phiếu nhằm bổ sung vốn để đáp ứng nhu cầu cho vay. Tính từ đầu năm tới hết tháng 10, tín dụng tăng 10.08%, cao hơn so với mức 7.4% cùng kỳ năm ngoái, tín dụng dự báo sẽ tăng tốc trong những tháng cuối năm theo sự phục hồi mạnh mẽ của sản xuất, xuất khẩu và dịch vụ.

Tổng giá trị phát hành của nhóm **Bất động sản** đạt khoảng 56.1 nghìn tỷ đồng (giảm 23% svck), chiếm tỷ trọng 15%. Lãi suất bình quân gia quyền của trái phiếu bất động sản ở mức 11.6%/năm, kỳ hạn bình quân là 2.6 năm. Các DN phát hành giá trị lớn nhất bao gồm: CTCP Vinhomes (14.5 nghìn tỷ đồng), Tập đoàn Vingroup (10 nghìn tỷ đồng) và Công ty TNHH ĐT và PT BĐS Hải Đăng (5.4 nghìn tỷ đồng).

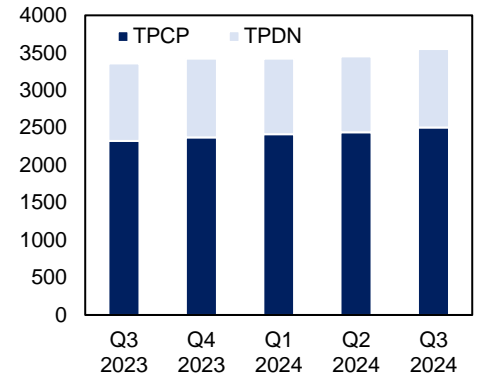
Hoạt động mua lại TPDN giảm nhẹ so với tháng trước

Trong tháng 10, giá trị TPDN mua lại trước hạn ước tính khoảng 17.5 nghìn tỷ đồng, giảm 14% so với tháng trước, trong đó Ngân hàng chiếm 72%, nhóm BĐS chiếm 22%. Lũy kế từ đầu năm đến nay, khoảng 161.7 nghìn tỷ đồng TPDN đã được mua lại trước hạn, giảm 17% svck.

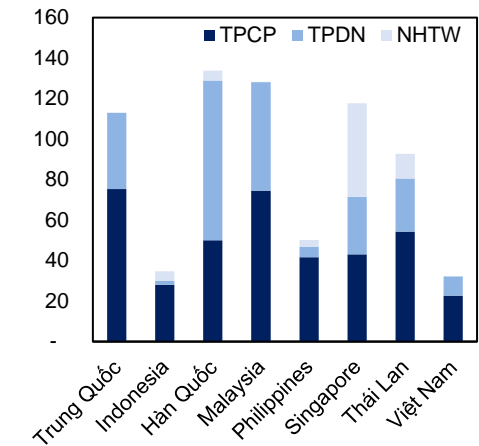
Tình hình chậm trả có những diễn biến tích cực khi không ghi nhận TPDN chậm trả nào phát sinh mới trong 2 tháng liên tiếp tháng 9 & tháng 10

Tính đến hết tháng 10, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán ước khoảng 204.4 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 20% dư nợ TPDN của toàn thị trường, trong đó nhóm ngành bất động sản tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất khoảng 69%

Dư nợ thị trường trái phiếu Việt Nam theo quý (nghìn tỷ đồng)



Quy mô thị trường trái phiếu các nước trong khu vực (% GDP Q3 2024)



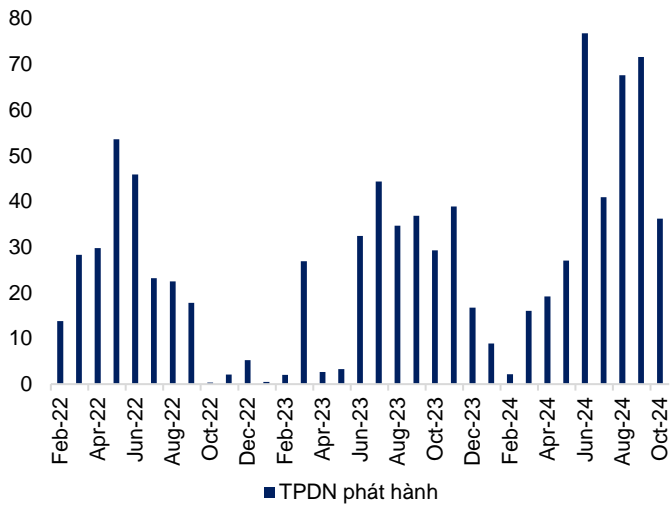
Chuyên viên phân tích

Đình Hà Anh

Anh.DinhHa@mbs.com.vn

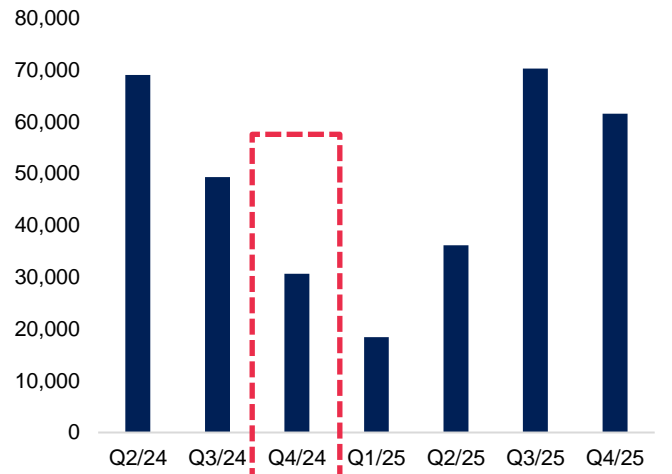
giá trị chậm trả. Áp lực đáo hạn trong hai tháng còn lại của năm nay khá nhẹ nhàng với lượng TPDN đáo hạn ước khoảng 20 nghìn tỷ đồng.

Hình 1: Giá trị TPDN phát hành thành công theo tháng (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 12/11)



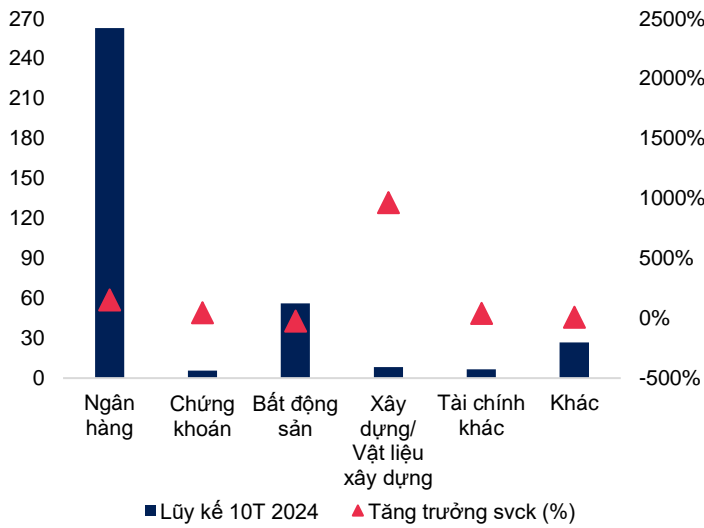
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 2: Ước tính khối lượng TPDN đáo hạn theo quý (Đơn vị: Tỷ đồng)



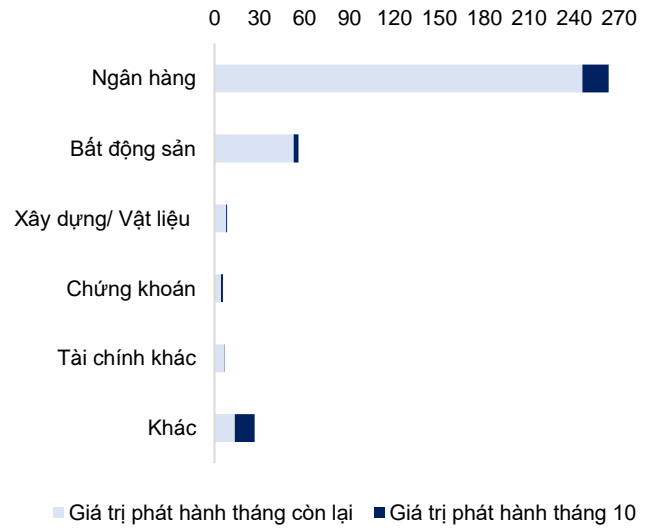
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 3: Giá trị TPDN phát hành thành công của các nhóm ngành trong lũy kế từ đầu năm (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



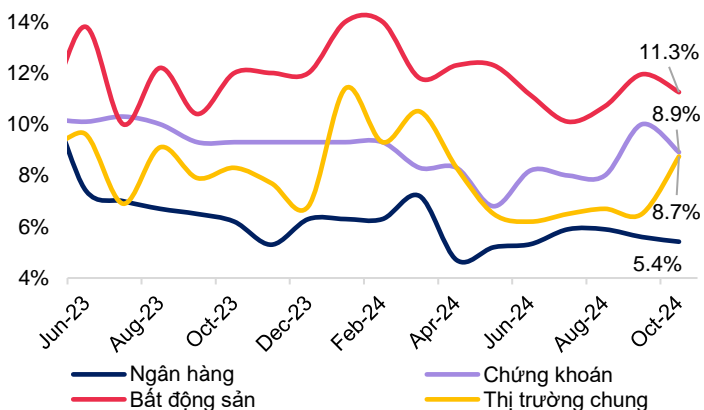
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 4: Cơ cấu giá trị TPDN phát hành lũy kế từ năm 2024 theo ngành (Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)



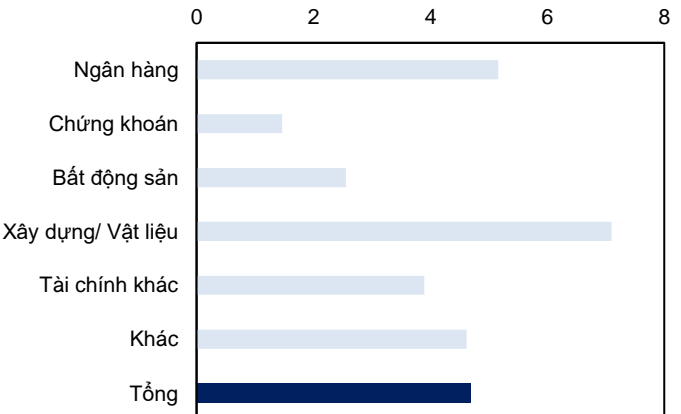
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 5: Lãi suất bình quân gia quyền của TPDN theo nhóm ngành (%/năm)



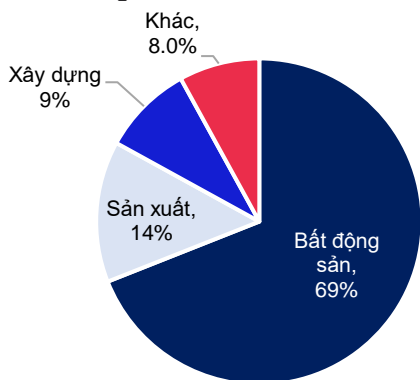
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 6: Kỳ hạn trung bình TPDN phát hành trong năm 2024 theo nhóm ngành (năm)



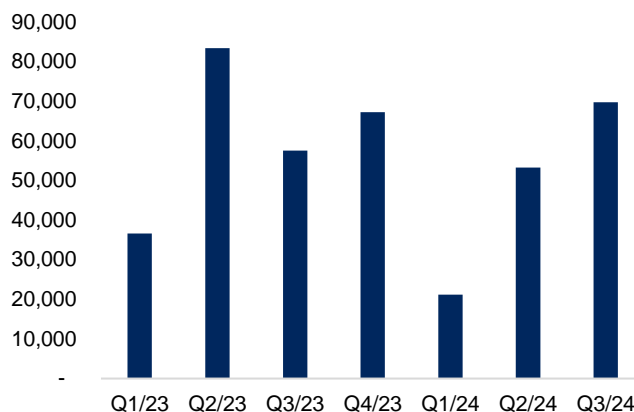
Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 7: Từ đầu năm đến nay, tổng giá trị TPDN chậm các nghĩa vụ thanh toán là khoảng 204.4 nghìn tỷ đồng Cơ cấu TPDN chậm nghĩa vụ thanh toán theo ngành



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 8: Giá trị mua lại TPDN trước hạn theo quý (Đơn vị: tỷ đồng). (Dữ liệu TPDN chốt vào ngày 12/11)



Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Trái Phiếu Chính Phủ

Thị trường sơ cấp

KBNN phát hành thành công 30,575 tỷ đồng TPCP trong kỳ với lợi suất trúng thầu ổn định so với tháng trước

Trong tháng 10, trong số 58,000 tỷ đồng trái phiếu được chào bán, có 30,575 tỷ đồng được huy động, tỷ lệ trúng thầu 52.7%. Ngày 10/10, KBNN thông báo kế hoạch phát hành TPCP trong quý 4 với tổng mức phát hành dự kiến là 128 nghìn tỷ đồng. Trong đó, kỳ hạn 10N và 15N có lượng giá trị phát hành lớn nhất lần lượt là 53 và 48 nghìn tỷ đồng. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2024, KBNN đã phát hành được tổng cộng 302,246 tỷ đồng TPCP, hoàn thành được 76% kế hoạch năm và quý 4 hoàn thành 24%. Áp lực phát hành TPCP trong năm 2025 dự kiến sẽ khá cao khi Chính phủ ước tính nhu cầu vay trong năm sau sẽ tăng 20.6% so với kế hoạch năm nay, lên mức hơn 815 nghìn tỷ đồng. Trong đó, nguồn vay qua việc phát hành trái phiếu dự kiến chiếm gần 76% dư nợ Chính Phủ.

Lợi suất trái phiếu trúng thầu khá ổn định so với tháng trước và chỉ giảm nhẹ 0.05%/năm ở kỳ hạn 5 năm về mức 1.9%/năm. Trong khi, lãi suất kỳ hạn 10N và 15N vẫn lần lượt duy trì ở mức 2.66%/năm và 2.86%/năm.

Hình 9: Kết quả phát hành TPCP từ đầu năm 2024 đến nay (tỷ đồng)

Kỳ hạn	Kế hoạch KBNN 2024	KBNN đã phát hành 2024	% Kế hoạch KBNN 2024
3 Năm	30,000		
5 Năm	70,000	43,170	62%
7 Năm	15,000	795	5%
10 Năm	100,000	178,910	179%
15 Năm	140,000	65,859	47%
20 Năm	20,000	6,030	30%
30 Năm	25,000	7,482	30%
Tổng	400,000	302,246	76%

Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/10/2024

Nguồn: KBNN, HNX, MBS Research

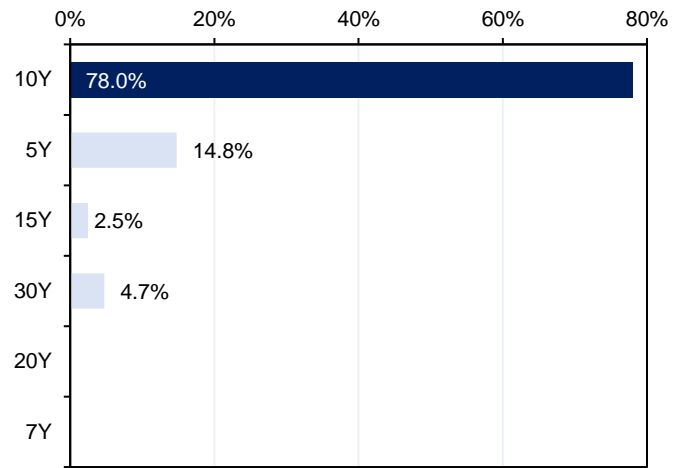
Hình 10: Kết quả đấu thầu TPCP KBNN T10/2024 (%)

Hình 11: Tỷ trọng TPCP phát hành T10/2024

Kỳ hạn	Giá trị chào bán	Giá trị trúng thầu	Tỷ lệ trúng thầu	Lợi suất
3N				
5N	6,000	4520	75%	1.89%-1.9%
7N	500	0	0%	0%
10N	36,500	23,859	65%	2.66%
15N	11,000	750	7%	2.86%
20N	500	0	0%	0%
30N	3,500	1,446	41%	3.10%
Tổng	58,000	30,575	52.7%	Đơn vị: tỷ đồng

*Tính đến thời điểm 31/10/2024

Nguồn: HNX, MBS Research

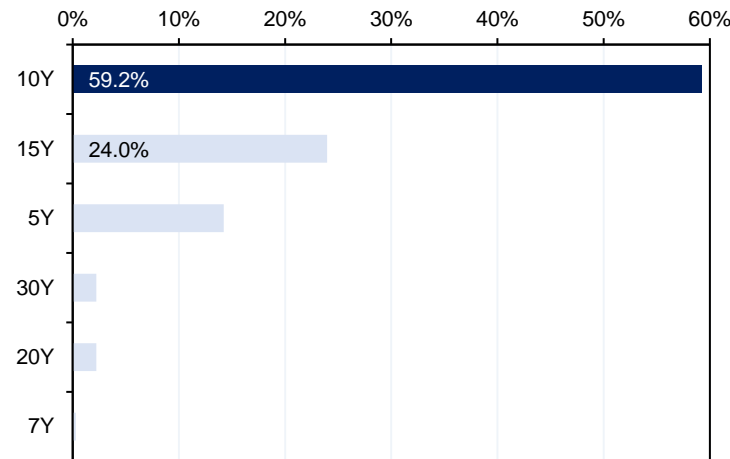


*Tính đến thời điểm 31/10/2024

Nguồn: HNX, MBS Research

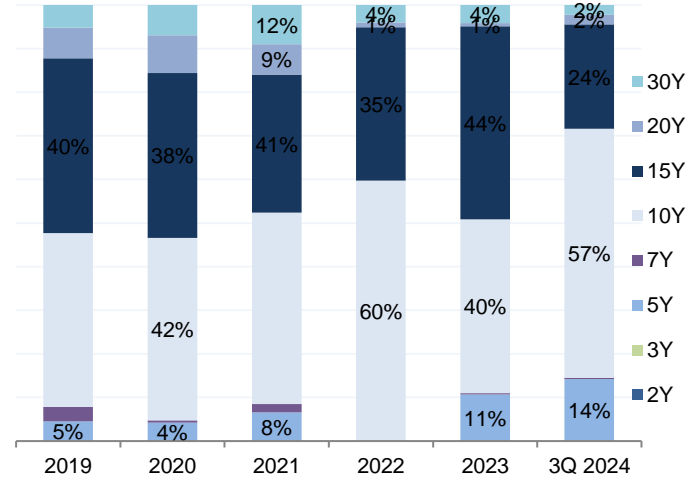
Hình 12: Tỷ trọng TPCP phát hành trong năm 2024

Hình 13: Tỷ trọng TPCP trúng thầu qua các năm



*Tính đến thời điểm 31/10/2024

Nguồn: HNX, MBS Research



Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 14: Lợi suất TPCP 10N tại một số quốc gia

Tính đến ngày 31/10/2024

Thị Trường	Đóng cửa	Tuần trước*	Tháng trước*	31/12/2023
Mỹ	4.28	7.26	50.4	40.5
EU	2.42	15.39	29.7	39.5
Nhật Bản	0.95	-1.20	9.1	33.8
Trung Quốc	2.15	-1.20	-6.1	-41.2
Hàn Quốc	3.10	3.20	11.0	-7.3
Ấn Độ	6.83	1.42	8.5	-33.9
Malaysia	3.92	4.40	21.4	18.5
Singapore	2.82	-4.71	20.2	12.2
Indonesia	6.82	6.41	36.8	34.1
Philippines	4.99	0.18	36.9	29.6
Thái Lan	2.46	0.79	-3.9	-29.2
Việt Nam	2.70	0.10	3.6	46.2

* Số điểm cơ bản thay đổi so với hiện tại

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

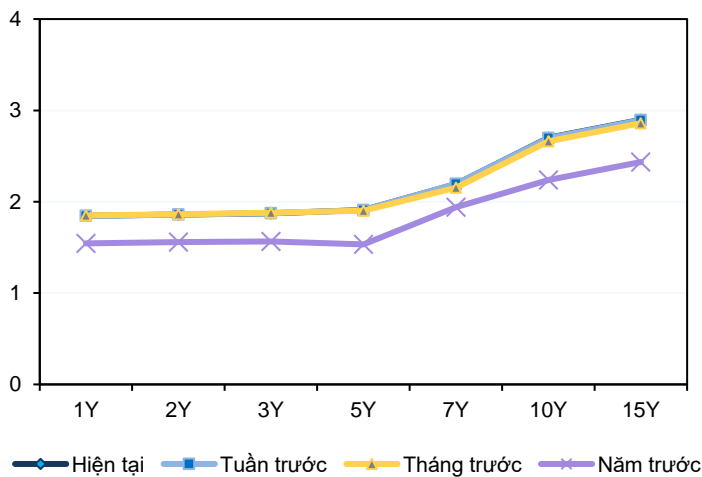
Thị trường thứ cấp

Lợi suất TPCP có xu hướng tăng nhẹ trong tháng tại các kỳ hạn dài. Tổng giá trị giao dịch bình quân trên thị trường TPCP thứ cấp giảm 12% so với tháng trước. NĐTNN quay trở lại bán ròng hơn 434.8 tỷ đồng TPCP trong tháng 10.

Đường cong lợi suất vẫn tiếp tục xu hướng đi ngang khi lợi suất kỳ hạn 10N tháng này chỉ tăng nhẹ 4 điểm cơ bản so với cuối tháng trước, lên mức 2.7%/năm vào cuối tháng 10. Lợi suất kỳ hạn 2N vẫn ổn định so với cuối tháng trước ở mức 1.86%/năm.

Giá trị giao dịch bình quân ngày trên thị trường TPCP thứ cấp đạt 11.9 nghìn tỷ đồng, giảm 12% so với tháng trước. Trong đó, giao dịch outright chiếm 65% khối lượng trong kỳ với khoảng 179.4 nghìn tỷ đồng. Bình quân giao dịch 7.8 nghìn tỷ đồng/ngày, tăng 0.6% so với bình quân tháng trước. Giá trị giao dịch repos bình quân giảm 29% so với tháng trước, với giá trị giao dịch đạt 4.1 nghìn tỷ đồng/ngày. Tổng giá trị khối ngoại bán ròng đạt khoảng 434.8 tỷ đồng TPCP trong kỳ. Tính tới cuối tháng 10, NĐTNN đã mua ròng khoảng 770.2 tỷ đồng trong năm nay.

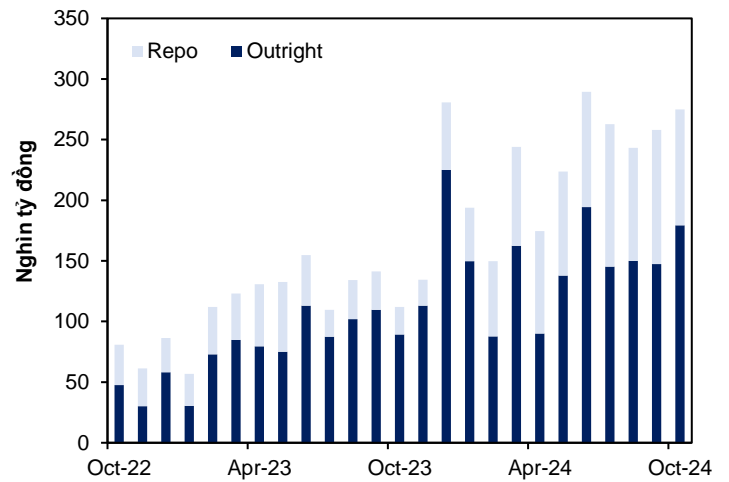
Hình 15: Lợi suất TPCP (%)



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/10

Nguồn: Bloomberg, MBS Research

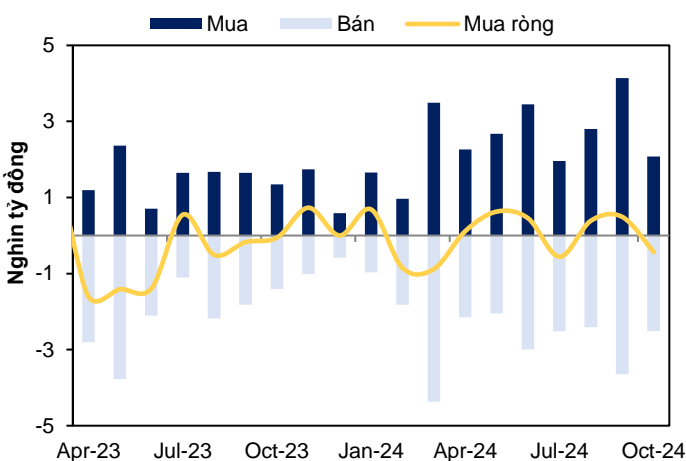
Hình 16: GTGD Outright và Repos trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/10

Nguồn: HNX, MBS Research

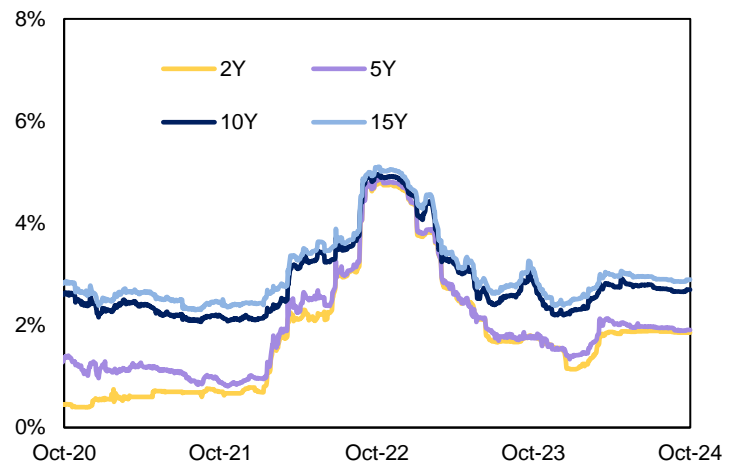
Hình 17: Giao dịch khối ngoại trên thị trường thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/10

Nguồn: HNX, MBS Research

Hình 18: Đường cong lợi suất TPCP - TT thứ cấp



Dữ liệu TPCP được chốt vào ngày 31/10

Nguồn: HNX, MBS Research

Phụ lục

Hình 19: Các doanh nghiệp phát hành khối lượng TPDN lớn nhất trong năm 2024

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Á Châu	2-3	31,840	4.5%-6.1%
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	2-3	26,940	3.7%-5.4%
Ngân hàng TMCP Phương Đông	2-3	26,700	4.9%-5.6%
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	2-8	26,300	4.8%-7.47%
Ngân hàng TMCP Quân Đội	2-10	23,301.8	5.28%-6.5%
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	6-20	18,400	5.48%-5.93%
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	3	18,000	5.1%-5.8%
CTCP Vinhomes	2-3	14,500	12.0%
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	3	11,800	3.9%-5.3%
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	8-15	10,425	5.78%-6.5%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 20: Các doanh nghiệp phát hành trái phiếu có lãi suất cao nhất trong năm 2024

Tổ chức phát hành	Kỳ hạn (năm)	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)
Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	2-3	10,000	12.5%-15.0%
CTCP Sản xuất và kinh doanh Vinfast	2-5	10,000	13.5%
Công ty TNHH Khu đô thị mới Trung Minh	5	1,100	12.5%
CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land	5	250	12.5%
CTCP Đầu tư TDG Global	3	100	12.5%
Công ty TNHH Đảo Ngọc Xanh Kỳ Sơn	5	1,200	12.5%
CTCP Vinhomes	2-3	12,500	12.0%
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thiên Hà – Bằng Dương	4	600	12.0%
Công ty TNHH Hoàng Trúc My	5	200	12.0%
CTCP Phát triển tổng hợp Hưng Thịnh Phát	4	412	12.0%

Nguồn: HNX, FiinPro, MBS Research

Hình 21: Danh sách trái phiếu hoàn thành đợt phát hành trong tháng 9 và tháng 10

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
	Công ty TNHH Aqua City Hòa Bình	09/2024	400	12.0%	60
	Công ty TNHH Đảo Ngọc Xanh Kỳ Sơn	09/2024	1,200	12.5%	60
	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Bất động sản Phát Đạt	09/2024	3,490	12.0%	12
	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Bất động sản Trường Lộc	09/2024	1,910	12.0%	12
	Công ty TNHH Phát triển Bất động sản nhà Sài Gòn	09/2024	340	11.0%	24
BMS	CTCP CHỨNG KHOÁN BẢO MINH	09/2024	150	10.0%	12
TDG	CTCP Đầu tư TDG Global	09/2024	100	12.5%	36
	CTCP Đầu tư Thành Thành Công	09/2024	200	10.85%	48
	CTCP Đầu tư và Phát triển Residence	09/2024	660	11.0%	24
DNP	CTCP DNP Holding	09/2024	150	10.5%	48
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	09/2024	1,000	11.0%	60
	CTCP Nhiệt điện Thăng Long	09/2024	900	10.0%	36
	CTCP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	09/2024	320	8.2%	84
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	09/2024	4,500	4.9%-5.7%	24-36
BVB	Ngân hàng TMCP Bản Việt	09/2024	1,469	7.9%	72
CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	09/2024	2,850	6.08%-6.5%	120-180
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	09/2024	113	5.78%-5.88%	84-96

Mã CK	Tổ chức phát hành	Tháng phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	09/2024	1,000	5.3%	36
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	09/2024	9,700	5.0%	24-36
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	09/2024	3,000	7.58%	84
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	09/2024	9,500	5.2%-7.47%	36-96
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	09/2024	11,300	5.3%-5.5%	36
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	09/2024	10,000	5.1%-5.2%	36
STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	09/2024	3,500	6.0%	24
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	09/2024	3,889	4.9%-6.68%	36-120
	Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Home Credit Việt Nam	10/2024	200	7.0%	24
	Công ty TNHH Flamingo Hải Tiến	10/2024	370	9.8%	36
VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt	10/2024	900	8.2%	12
TCI	CTCP Chứng khoán Thành Công	10/2024	400	10.5%	12
CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	10/2024	500	10%-11%	24-36
	CTCP Đầu tư Thành Thành Công	10/2024	150	10.85%	48
IDI	CTCP Đầu tư và phát triển đa quốc gia I.D.I	10/2024	1,000	5.58%	96
FCN	CTCP FECON	10/2024	120	11.0%	18
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	10/2024	2,000	11.0%	60
	CTCP Kinh doanh F88	10/2024	70	10.5%	12
	CTCP Sản xuất và kinh doanh Vinfast	10/2024	10,000	13.5%	24-60
	CTCP Thương mại du lịch đầu tư Cù lao chàm	10/2024	576	10.0%	18
VHM	CTCP Vinhomes	10/2024	2,000	12.0%	36
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	10/2024	2,000	5.0%	24
BAB	Ngân hàng TMCP Bắc Á	10/2024	1,000	5.3%	36
CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	10/2024	1,000	6.5%	180
MSB	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	10/2024	1,500	5.0%	36
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	10/2024	240	5.0%	36
LPB	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	10/2024	2,430	7.58%	84
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	10/2024	900	5.6%	24
OCB	Ngân hàng TMCP Phương Đông	10/2024	2,000	5.1%-5.2%	36
VIB	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	10/2024	3,000	5.05%-5.1%	36
STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	10/2024	1,500	6.0%	24
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	10/2024	331.6	6.88%	120
EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	10/2024	1,700	5.3%	36
BCM	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp	10/2024	320	10.5%	36

Nguồn: HNX, MBS Research

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CPCK MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Ngô Quốc Hưng
Nghiêm Phú Cường
Đinh Hà Anh
Võ Đức Anh

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Lý
Nguyễn Đức Hải

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức
Lê Hải Thành

Công nghiệp – Năng Lượng

Nguyễn Hà Đức Tùng
Phạm Thị Thanh Huyền

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly